

Đồng Nai, ngày 15 tháng 10 năm 2020

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG NĂM 2020**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

- Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:
- Khối Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ công khai thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2020 như sau

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2020 (kể cả điều chỉnh, bổ sung)	Ước thực hiện 9 tháng/2020	Ước thực hiện dự toán (tỷ lệ %)	Ước thực hiện so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
<b>I</b>	<b>Tổng số thu ,chi nộp ngân sách phí lệ phí</b>				
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>250.000.000</b>	<b>367.500.000</b>	<b>147,0%</b>	<b>119,3%</b>
1.1	Lệ phí				
	An toàn bức xạ		11.200.000		
1.2	Phí				
	Thẩm định an toàn bức xạ		217.800.000		
	Thẩm định điều kiện hoạt động KHCN		8.500.000		
	Thẩm định chuyển giao công nghệ		130.000.000		
<b>2</b>	<b>Thu xử phạt vi phạm hành chính</b>	<b>500.000.000</b>	<b>293.500.000</b>	<b>59%</b>	<b>392%</b>
<b>3</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>150.000.000</b>	<b>21.624.472</b>	<b>14,4%</b>	<b>44,6%</b>
3.1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

3.2	Chi quản lý hành chính	150.000.000	21.624.472	14,4%	44,6%
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ/ thường xuyên (bổ sung nguồn hoạt động)	90.000.000	21.624.472		
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ/ không thường xuyên (Trích nguồn cải cách tiền lương)	60.000.000			
<b>4</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách</b>	<b>100.000.000</b>	<b>83.719.500</b>	<b>83,7%</b>	<b>147%</b>
4.1	Lệ phí				
	An toàn bức xạ		11.200.000		
4.2	Phí				
	Thẩm định an toàn bức xạ		32.669.500		
	Thẩm định điều kiện hoạt động KHCN		850.000		
	Thẩm định chuyển giao công nghệ		39.000.000		
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>77.756.332.475</b>	<b>23.284.501.375</b>	<b>29,9%</b>	<b>106%</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>5.997.832.475</b>	<b>4.181.833.750</b>	<b>69,7%</b>	<b>0,0%</b>
	Kinh thực hiện chế độ tự chủ	5.539.832.475	3.874.535.232	69,9%	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	458.000.000	307.298.518	67,1%	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp Khoa học và Công nghệ</b>	<b>63.658.500.000</b>	<b>17.503.434.282</b>	<b>27,5%</b>	<b>121%</b>
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ Khoa học và công nghệ	16.240.000.000	5.605.665.353	34,5%	180%
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	7.564.000.000	2.464.067.000	32,6%	175%
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên	39.854.500.000	9.433.701.929	23,67%	95%
<b>3</b>	<b>Sự nghiệp đào tạo</b>	<b>8.100.000.000</b>	<b>1.599.233.343</b>	<b>19,7%</b>	<b>53%</b>

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
(Chữ ký, dấu)  
KHOA HỌC  
VÀ CÔNG NGHỆ  
ĐỒNG NAI  
Nguyễn Thị Hoàng